

Số: 2985 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 21 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại
Trung tâm Hành chính công tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25/12/2017.

Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Hành chính công tỉnh để thực hiện niêm yết thủ tục hành chính, công bố tại Cổng dịch vụ công và website Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP và các CV;
- Lưu: VT, CCHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNN ĐƯA VÀO TIẾP NHẬN VÀ TRẢ
KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2985 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2017
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Tên TTHC	Số TTHC đưa vào TTHCC
1. Lĩnh vực Trồng trọt		5/5
1	Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy phân bón	
2	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	
3	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	
4	Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	
5	Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng	
2. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật		4/5
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	
3	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	
4	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	
3. Lĩnh vực Thú y		15/18
1	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chuẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	
2	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	
3	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	
6	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	
7	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	
8	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	
9	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	
10	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	
11	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	

12	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc dưới nước)	
13	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	
14	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	
15	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	
4. Lĩnh vực Thủy sản		2/26
1	Cấp phép nhập khẩu tàu cá đã qua sử dụng	
2	Cấp phép nhập khẩu tàu cá mới	
5. Lĩnh vực Lâm nghiệp		40/43
1	Cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do UBND cấp tỉnh xác lập	
2	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với tổ chức	
3	Cấp phép khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách hoặc vốn viện trợ chuyển sang trồng cao su của tổ chức	
4	Cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên của chủ rừng là tổ chức	
5	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức	
6	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại LSNG (lâm sản ngoài gỗ) thuộc loài nguy cấp, quý hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng sản xuất, RPH (rừng phòng hộ)	
7	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý hiếm, loài được Lâm nghiệp ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của tổ chức	
8	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng đặc dụng	
9	Thẩm định, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của tổ chức	
10	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt nam và các Phụ lục II, III của Công ước CITES	
11	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	
12	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	

	không vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	
13	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ thành lập thuộc địa phương quản lý	
14	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích khu rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	
15	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	
16	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	
17	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức hoặc liên kết với tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	
18	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý	
19	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh giảm diện tích đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	
20	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do UBND tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	
21	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích đối với khu rừng đặc dụng do UBND tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	
22	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch rừng đặc dụng cấp tỉnh	
23	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng do địa phương quản lý	
24	Thẩm định, phê duyệt đề án thành lập Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý)	
25	Thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển thuộc địa phương quản lý	
26	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống	
27	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô cây con	
28	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm công nhận: cây trội; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyên hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng)	
29	Phê duyệt hồ sơ thiết kế chặt nuôi dưỡng đối với khu rừng đặc dụng do tỉnh quản lý	
30	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm	

	sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư)	
31	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn)	
32	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng DVMTR nằm trong phạm vi 01 tỉnh)	
33	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	
34	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài)	
35	Giao rừng đối với tổ chức	
36	Cho thuê rừng đối với tổ chức	
37	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	
38	Giao nộp gấu cho nhà nước	
39	Chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh	
40	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư)	
9. Lĩnh vực An toàn thực phẩm		6/6
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản	
2	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	
3	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận)	
4	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	
5	Xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm lần đầu	
6	Xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm	

Tổng cộng: 72 TTTC